TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HS-ST
Ngày 11-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Lê Vũ Huy Hoàng**

Thẩm phán: Ông **Lâm Tấn Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Phước**

2. Ông **Hà Văn Châu**

3. Bà **Võ Ngọc Các**

- *Thư ký phiên tòa*:

1. Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

2. Ông **Võ Văn Như** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thành Quang** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 08-02-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXHS-ST ngày 23-3-2018 đối với các bị cáo:

1. **Trương Ngọc D**, sinh năm 1985; Nơi tạm trú: Số 420/21 đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Nghề nghiệp: không; Con ông (không rõ) và bà Trương Thị Thu H (chết); Có vợ và 01 người con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Vào ngày 21/4/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, xử phạt 07 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/11/2014, đã được xóa án tích. Bị bắt, tạm giam ngày 06/10/2017; (có mặt)

2. **Kim Ngọc S**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số 322/19 đường TĐT, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Nghề nghiệp: sửa xe; Con ông Kim Ngọc B và bà Thạch Thị Th2; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giữ và chuyển tạm giam ngày 22/12/2017; (có mặt)

3. **Thạch Sa R** (có tên gọi khác **L**), sinh năm 1990; Nơi cư trú: Số 367Q đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Thạch S1 và bà Sơn Thị Ph1; Có vợ và 01 người con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam ngày 06/10/2017; (có mặt)

4. **Huỳnh Chí D1** (có tên gọi khác là **DE**), sinh ngày 10/7/1995; Nơi tạm trú: Số 30/8 đường Kênh 30/4, Khóm 1, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông Huỳnh Cao Th1 (chết) và bà Trương Thị Thu H1; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Vào ngày 10/02/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố S, xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2012, là không có án tích (người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng). Bị bắt, tạm giam ngày 06/10/2017 và được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 03/01/2018; (có mặt)

5. **Hà Duy T** (có tên gọi khác là **TQ**); sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 552/12/6 đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: không; Con ông Hà T1 và bà Trần Thị SR; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác; (có mặt)

6. **Lưu Văn Th** (có tên gọi khác là **Kh**), sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 123A đường Cầu Đen, Khóm 3, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Hoa; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông Lưu Văn Kh1 và bà Võ Thị Kim C1; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại; (có mặt)

7. **Trần Tấn P** (có tên gọi khác là **PM**), sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 652/2 đường 30/4, Khóm 5, Phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Trần Ngọc T1 và bà Trần Thị H2; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị bắt, tạm giam trong vụ án khác. (có mặt)

- *Những người bị hại*:

1. Bà **Hoàng Thị L1**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 414/36/13 đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Bà **Tăng Thị Bích T2**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp 4, thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

3. Bà **Trần Thị Ngọc D2**, sinh năm 1974; Nơi cư ấp PT, xã PM, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

4. Ông **Đinh Công Tr**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: ấp CQ, xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

5. Ông **Nguyễn Quốc Tr1**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp TB, xã TK, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

6. Ông **Lý Thanh T3**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: ấp BK, xã HT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

7. Bà **Lý Hồng Tr2**, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Số 85 (số cũ 135) đường CT, Khóm 5, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

8. Ông **Nguyễn Tấn Th2**, sinh năm 1997; Nơi cư trú: ấp ĐViên, xã VB, huyện Đề, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

9. Ông **Phạm Phú C2**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: đường TQT, khóm 6, phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

10. Bà **Lý Thị Thu H3**, sinh năm 1993; Nơi cư trú: đường TĐT, khóm 2, phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

11. Ông **Trần Thanh L2**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: đường PH, Khóm 3, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: đường TĐT, khóm 1, phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

12. **Cty NL;** Địa chỉ: Lô KTM 06 Khu đô thị, Khóm 4, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

13. **Nhà máy ST**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lâm Nhân N**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: đường NĐC, khóm 1, phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

14. Ông **Trương Văn Th3**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: khóm TN, phường KH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

15. Ông **Trần Hoàng N1**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: đường NTT, Khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Lê Anh Th3** (có tên gọi khác là **H4**), sinh năm 1994; Nơi cư trú: đường PH, Khóm 3, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Ông **Liêu P1** (có tên gọi khác là **B1**), sinh năm 1989; Nơi cư trú: đường TĐT, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

3. Ông **Trà Kim B2**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Những người làm chứng*:

1. Ông **Bành Chênh T3**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: đường CT, Khóm 5, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2. Ông **Trần Hoàng P2**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

3. Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: đường TĐT, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Ngọc D, Kim Ngọc S, Thạch Sa R, Hà Duy T, Huỳnh Chí D1 và Lưu Văn Th là bạn bè và thường đi chơi chung với nhau, các bị can trong khoảng thời gian từ ngày 06-01-2017 đến ngày 04-10-2017 đã thực hiện các lần trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất**: Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 06-01-2017, Ngọc D đang ở tại nhà của Chí D1 ở số 58 đường Kênh, Khóm 1, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì Ngọc D rủ Chí D1 đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm, thì Chí D1 đồng ý. Khi đi, Chí D1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Max (không rõ biển số) chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S để tìm tài sản lấy trộm, khi đi đến nhà của chị Hoàng Thị L1 ở số 414/36/13 đường NVL, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì Ngọc D phát hiện xe mô tô, mang biển số 83H5-5816 của chị Lan đang dựng trước nhà nhưng không có người trông giữ, nên Ngọc D kêu Chí D1 dừng xe lại để cho Ngọc D đi bộ đến nơi đậu xe và dùng cây đoản mang theo đưa vào ổ khóa bẻ mạnh mở khóa. Sau khi mở được khóa, Ngọc D điều khiển xe vừa lấy trộm được chạy về nhà Chí D1 cất giấu. Đến ngày 07-01-2017, Chí D1 nhờ Nguyễn Trần M lấy chiếc xe mà Ngọc D đã trộm được bán với giá 3.000.000 đồng. Sau khi có được tiền thì Chí D1

cho Mẫn với số tiền 500.000 đồng, đưa cho Ngọc D 1.000.000 đồng, số tiền còn lại thì Chí D1 cất giữ tiêu xài cá nhân. Đối với chị Lan sau khi phát hiện bị mất trộm chiếc xe mô tô nêu trên đã đến Công an phường 2, thành phố S trình bào sự việc.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 57/KL.ĐGTS, ngày 16-3-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 xe mô tô biển số 83H5- 5816, nhãn hiệu Honda, số loại Wave alpha, giá trị sử dụng còn 50%, với số tiền là 7.500.000đ.

- **Lần thứ hai**: Vào khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 23-01-2017, Kim Ngọc S ở tại nhà số 322/9 đường TĐT, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì Ngọc D điện thoại cho S rủ đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm, thì S đồng ý. Ngọc D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius (không rõ biển số) qua nhà chở S đi trên các tuyến đường của thành phố S để tìm tài sản trộm cắp, do không tìm được tài sản để lấy, nên Ngọc D điều khiển xe chở S đi trên đường PH, Phường 8, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đến Ấp 4, thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng, thì lúc này Ngọc D và S phát hiện trước cửa nhà của chị Tăng Thị Bích T2 tại Ấp 2, thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng có 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Sirius, mang biển số 76G1-184.78 được dựng phía trước nhà, nhưng không có người trông giữ. Ngọc D và S dừng xe lại, Ngọc D một mình đi vào nơi xe đang dựng quan sát thấy không có người, Ngọc D dùng cây đoản mang theo đưa vào ổ khóa xe bẻ mạnh mở khóa. Sau khi mở được khóa thì Ngọc D dẫn xe ra ngoài nổ máy điều khiển xe chạy đi, sau đó cả hai cùng điều khiển xe đi về nhà của S. Lúc này, S lấy số tiền 1.500.000đ để đưa cho Ngọc D để mua lại chiếc xe mô tô này cho bản thân sử dụng, sau đó S đã tháo bỏ biển số xe số 76G1-184.78 ra khỏi xe và lắp biển số xe 83P2- 00346 vào để cho bị hại không phát hiện. Còn chị Tăng Thị Bích T2, sau khi phát hiện bị mất trộm chiếc xe mô tô nên đã đến Công an thị trấn LP, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng để trình báo sự việc.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 50/KL.ĐGTS, ngày 26-9-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 xe mô tô biển số 76G1-184.78, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại Sirius; màu: đỏ- đen, giá trị sử dụng còn 70%, với số tiền là: 10.010.000đ.

- **Lần thứ ba:** Vào Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 28-01-2017, Kim Ngọc S điện thoại cho Ngọc D đi tìm tài sản để lấy trộm, thì Ngọc D đồng ý. S điều khiển xe mô tô Sirius, mang biển số 83P2- 003.46 qua chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S để tìm tài sản lấy trộm. Khi cả hai điều khiển đi

đến phía trước cổng chùa HS đường NGT, phường 6, thành phố S thì phát hiện chị Trần Thị Ngọc D2 đậu xe mô tô biển số 83P2- 489.79 trước cổng chùa, bên trong cốp xe có để giấy đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm xe biển số 83P2- 489.79, nhưng không có người trông giữ, nên S đã dừng xe lại và Ngọc D đi đến nơi đang dựng xe, Ngọc D dùng cây đoản đã chuẩn bị từ trước đưa vào ổ khóa xe bẻ mạnh ổ khóa xe. Sau khi mở khóa lấy được xe thì Ngọc D điều khiển xe đến gửi tại bãi giữ xe Bệnh viện sản - nhi tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 29-01-2017, Ngọc D gọi điện cho Trần Tấn P nói cho P biết là Ngọc D vừa lấy trộm được 01 chiếc xe đang gửi tại bãi giữ xe Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Sóc Trăng và kêu P lấy chiếc này đi cầm giúp, sau khi cầm xe xong thì Ngọc D sẽ cho P tiền tiêu xài cá nhân thì P đồng ý, sau đó P đi lấy xe mô tô, mang biển số 83P2-489.79 đi cầm cho Khưu Thành N2 được số tiền là 10.000.000đ. Sau khi có được tiền thì Ngọc D cho P số tiền 2.000.000đ, số tiền còn lại Ngọc D và S chia mỗi người được 4.000.000đ và cả hai đã sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng ngày 01-02-2017, P điện thoại cho D để hỏi D có chuộc xe không, lúc này D nói không chuộc, nên P đã tự liên hệ với ông Bành Chênh T3 và bán xe mô tô biển số 83P2-489.79 cho ông Tan với giá 12.000.000đ, sau khi có được tiền thì P lấy số tiền 10.000.000đ trả tiền chuộc xe cho N2, số tiền 2.000.000đ còn lại P đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 143/KL.ĐGTS, ngày 06-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 xe mô tô biển số 83P2- 489.79, nhãn hiệu: Honda, loại xe Wave alpha, giá trị sử dụng còn 80%, có giá là 13.592.000đ.

- **Lần thứ tư**: Vào khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 28-01-2017, Kim Ngọc S và Ngọc D tiếp tục đi tìm tài sản của người khác để trộm cắp. S điều khiển xe mô tô, mang biển số 83P2- 003.46 đi trên các tuyến đường của thành phố S, khi cả hai đi đến trước nhà số 424 đường LD, Khóm 4, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì phát hiện chiếc xe mô tô, hiệu Honda, loại Wave Alpha, mang biển số 83P1-933.54 của anh Nguyễn Tấn Th2 được dựng trước nhà, không có người trông giữ, lúc này S dừng xe lại cho Ngọc D đi đến nơi đang dựng chiếc xe, sau đó Ngọc D ngồi lên xe dùng cây đoản mở khóa đã mang theo đưa vào ổ khóa xe bẻ mạnh mở được khóa xe. Ngọc D cùng với S điều khiển xe trên đường PH, Phường 8, thành phố S, từ hướng thành phố S chạy về cầu TT. Trên đường đi Ngọc D gọi điện cho Trần Tấn P nói cho P biết là Ngọc D vừa lấy trộm được chiếc xe và nhờ P bán giùm. Sau đó P, Ngọc D và S gặp nhau tại khu vực cầu TT. Tại đây, P và Ngọc D điều khiển xe mô tô mang biển số 83P1-

933.54 vừa lấy trộm được chạy vào khu vực xã CK, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng bán cho ông Phạm Hoàng N3 với số tiền 5.000.000đ, sau khi bán xe có được tiền Ngọc D cho P 1.000.000đ, số tiền còn lại Ngọc D và S chia mỗi người được 2.000.000đ. Tất cả số tiền này Ngọc D, S và P đã sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, còn đối với anh Nguyễn Tấn Th2 sau khi phát hiện chiếc xe mô tô, mang biển số 83P1-933.54 của mình bị mất trộm, nên anh đã đến Công an phường 4, thành phố S trình báo.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 144/KL.ĐGTS, ngày 07-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 xe mô tô biển số 83P1-933.54, nhãn hiệu: Honda, số loại Wave Alpha, giá trị sử dụng còn 60%, có giá là 8.214.000đ.

- **Lần thứ năm**: Vào Khoảng 23 giờ 00 phút, tháng 4 năm 2017, Kim Ngọc S điện thoại rủ Ngọc D đi tìm tài sản để trộm cắp thì Ngọc D đồng ý. S điều khiển xe mô tô, mang biển số 83P2- 003.46 chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S, khi cả hai đi đến phía trước nhà số 98A đường TQT, Khóm 6, Phường 6, thành phố S thì phát hiện có chiếc xe ô tô tải của ông Phạm Phú C2 đang được đỗ cặp lề đường, nhưng không có người trông giữ. Lúc này S và D phát hiện trên xe tải có 01 bình ắc qui được gắn vào xe, nên cả hai nảy sinh ý định lấy trộm để đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên S dừng xe lại cho Ngọc D đi đến nơi xe ô tô tải rồi dùng kìm mở bình ắc qui của xe để lấy trộm. Sau khi lấy trộm được bình ắc qui S điều khiển xe chở Ngọc D ngồi sau ôm bình ắc qui đi về cất giấu vào lùm cây gần nhà của Ngọc D. Đến sáng hôm sau, Ngọc D và S lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3", tại số 04 đường NVT, Khóm 6, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho anh Châu Vĩnh H4 được số tiền 500.000đ, sau khi có được tiền thì D và S chia tiền cho nhau mỗi người được 250.000đ. Đối với anh Phạm Phú C2 sau khi phát hiện bị mất trộm 01 cái bình ắc qui, đến ngày 15-12-2017 anh Cường đã đến Công an thành phố S trình báo sự việc.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 197/KL.ĐGTS, ngày 18-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 ampe, giá trị sử dụng còn 70%, với số tiền 1.330.000đ.

- **Lần thứ sáu**: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 28-5-2017, Ngọc D, Hà Duy T và Thạch Sa R ở tại nhà của Ngọc D tại Hẻm 420 đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì cả nhóm bàn bạc với nhau là đi tìm tài sản của người khác để trộm cắp, lúc này cả nhóm đồng ý đi, với ý định đó,

Ngọc D, T và R đi bộ từ nhà của Ngọc D đi trên đường TĐThắng đến trước nhà của chị Lý Thị Thu H3, tại số 528A đường TĐT, Khóm 4, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thì lúc này R nhìn thấy nhà của chị H3 cửa sổ không có khóa, nên R đã dùng tay của mình bám vào khung sắt cửa sổ nhìn vào bên trong nhà để tìm tài sản trộm cắp, khi nhìn vào nhà thì R phát hiện có 01 chiếc điện thoại di động để trên đầu nằm gần cửa sổ. Sau khi phát hiện điện thoại thì R bước xuống đất và kêu T đứng canh đường nếu có người phát hiện thì thông báo cho tất cả cùng biết để bỏ chạy, R kêu Ngọc D khom người thấp xuống để cho R đứng lên cho tới cửa sổ R đưa tay vào lấy trộm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7KF của chị H3, sau khi lấy trộm được điện thoại thì cả ba người đi đến nhà nghĩ số 108, đường PH, phường 8, thành phố S để thuê phòng nghĩ qua đêm. Tại đây thì R đã dùng điện thoại di động của mình gọi cho Liêu P1 nói là có một người em đang cần bán điện thoại để lấy tiền đi lên Sài Gòn kiếm việc làm. Sau khi điện thoại xong thì R kêu T khi gặp P1 nói là điện thoại của T cần bán để lấy tiền đi Sài Gòn tìm việc, sau khi gặp P1 và bán được điện thoại với giá 1.700.000đ, số tiền bán điện thoại có được cả ba người chia tiền ra cho mỗi người được 450.000đ. Sau khi có được tiền thì Ngọc D, R và T sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Đối với chị Lý Thị Thu H3 sau khi phát hiện bị mất trộm điện thoại cho nên đến Công an Phường 5, thành phố S trình báo sự việc.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 122/KL.ĐGTS, ngày 03-8-2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: 01 cái điện thoại hiệu OPPO R7KF, màu vàng đồng (gold), đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 70%, với số tiền là 4.193.000đ.

- **Lần thứ bảy**: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 08-06-2017, Thạch Sa R rủ Hà Duy T, Trần Hoàng P2, Trà Kim B2 và Ngọc D đi tìm gà để trộm thì tất cả đồng ý. Khi đi B2 điều khiển xe mô tô biển số 83P2- 610.38 chở P2, R điều khiển xe mô tô biển số 83H5- 5597 chở D và T cùng đi đến nhà ông Trần Thanh L2 tại số 648A đường TĐT, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tại đây, D và T đi vào dùng kìm cộng lực cắt khoen ổ khóa mở cửa. Sau đó P2, T, R vào bắt được khoảng 17 con gà. Sau khi bắt được gà thì B2 và R điều khiển xe chở D, T và P2 về Hẻm 552 đường TĐT, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau đó, D, B2, R mang toàn bộ gà bắt trộm được đi bán cho bà Nguyễn Thị Dung được 1.000.000đ, sau khi có được tiền thì cả nhóm chia nhau mỗi người được 200.000đ.

Tại Kết luận Định giá Tài sản số 07/KL.ĐGTS, ngày 16-01-2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận17 con gà có trọng lượng 13,5 kg, với số tiền là 1.215.000đ.

- **Lần thứ tám**: Vào khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 06 năm 2017, Ngọc D cùng với Thạch Sa R bàn bạc với nhau là đi tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi R điều khiển xe mô tô, mang biển số 83F5-5597 chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S để tìm tài sản lấy trộm, khi cả hai điều khiển đi đến nhà máy gạch Sóc Trăng, số 338 đường PH, khóm 3, phường 8, thành phố S. Lúc này R dừng xe lại ngồi ngoài xe đợi, Ngọc D đi từ phía sau vào nhà máy thì phát hiện có nhiều xe ô tô đậu Ngọc D quan sát thấy không có người trong giữ, nên D đi đến xe ô tô biển số 83L- 2421 rồi dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn để mở ốc lấy bình ắc qui. Ngọc D tháo lấy được 02 bình ắc qui nhãn hiệu Panasonic, loại 70Ampe. Sau khi lấy được tài sản R điều khiển xe chở Ngọc D đi cất giấu. Đến ngày 11 tháng 06 năm 2017, Ngọc D và R lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3" số 04 đường NVT, khóm 6, phường 3, thành phố S cho anh Châu Vĩnh H4 (H4) được số tiền 600.000 đồng, sau khi có được tiền thì Ngọc D và R chia nhau mỗi người được 300.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 158 ngày 22-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, kết luận 02 bình ắc qui nhãn hiệu Panasonic loại 70 ampe, giá trị sử dụng còn lại 50%, với số tiền là 1.430.000 đồng.

- **Lần thứ chín**: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 06 năm 2017, Thạch Sa R gọi điện thoại rủ Ngọc D đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm, thì Ngọc D đồng ý. Khi đi thì R điều khiển xe biển số 83F5 - 5597 chở Ngọc D đi trên đường quốc lộ 60, theo hướng từ thành phố S đến thị trấn ĐN, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng. Khi đi đến khu vực ấp BK, xã HT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng thì R và Ngọc D phát hiện xe ô tô, mang biển số 83C- 022.26 của ông Lý Thanh T3 (T3) đang được đỗ cặp đường, nhưng không có người trông giữ. Lúc này R dừng xe lại, Ngọc D đi đến xe ô tô dùng kìm đã được chuẩn bị trước để tháo ốc gắn bình vào xe. Ngọc D và R đã lấy trộm được 02 (hai) cái bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 Ampe. Sau khi lấy được tài sản R điều khiển xe chở Ngọc D đi về cất giấu. Đến ngày 26 tháng 06 năm 2017, Ngọc D và R lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3", tại số 04 đường NVT, khóm 6, phường 3, thành phố S anh Châu Vĩnh H4 (H4) với giá 1.000.000 đồng. Sau khi có được tiền thì Ngọc D và R chia nhau mỗi người được 500.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Đối với anh Lý Thanh

T3 sau khi phát hiện bị mất trộm bình ắc qui nên đến Công an xã HT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng trình báo sự việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 55 ngày 22-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện LP, tỉnh Sóc Trăng, kết luận 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 ampe, giá trị sử dụng còn lại 60%, với số tiền là 3.240.000 đồng.

- **Lần thứ mười**: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, trong tháng 7 năm 2017, Thạch Sa R rủ Ngọc D đi trộm gà, thì Ngọc D đồng ý. Khi đi R điều khiển xe mô tô biển số 83F5-5597 chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S, khi cả hai đi trên đường TĐT khi đến trước nhà của bà Lý Hồng Tr2 (Tr2), tại số 135, đường CT, khóm 5, phường 8, thành phố S, quan sát thấy không có người nên Ngọc D đi vào lấy dây buộc khoen cửa nhà chị Tr2 rồi đi ra chuồng gà gần đó dùng lưỡi lam cắt lưới bao quanh chuồng gà và bắt được 08 con gà. Sau khi lấy trộm được gà thì Ngọc D và R mang đi bán cho cho ông Nguyễn Minh Đ1 (Đ1) với số tiền là 500.000 đồng, sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 250.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 161 ngày 25-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, kết luận 08 con gà có trọng lượng 16 kg, với số tiền là 1.440.000 đồng.

- **Lần thứ mười một**: Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 7 năm 2017, Kim Ngọc S gọi điện thoại rủ Ngọc D đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui, thì Ngọc D đồng ý đi. Khi đi S điều khiển xe mô tô biển số 83F5-5597 chở Ngọc D đi từ thành phố S đến thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng để tìm xe ô tô nhằm mục đích lấy trộm bình ắc qui. Khi đi đến trước cửa hàng vật liệu xây dựng MT tại khóm TN, phường KH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng do ông Trương Văn Th3 (Th3) làm chủ, thì phát hiện có nhiều xe ô tô đỗ nhưng không có người trông giữ. Lúc này S và Ngọc D dừng xe lại và cả hai kéo hàng rào lưới B40 ra, rồi đi vào bên trong đi đến nơi xe ô tô đỗ và dùng kìm được chuẩn bị sẵn tháo ốc gắn bình trên nhiều xe ô tô. S và Ngọc D đã lấy trộm được 05 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 40 Ampe và 70 Ampe. Sau khi lấy được tài sản S điều khiển xe chở Ngọc D đi về cất giấu. Đến ngày 05 tháng 7 năm 2017, thì Ngọc D và S lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3", tại số 04 đường NVT, khóm 6, phường 3, thành phố S anh Châu Vĩnh H4 với giá 1.600.000 đồng. Sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 800.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 81 ngày 05-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, kết luận 05 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai (01 bình loại 40 ampe và 04 bình loại 70 ampe), giá trị sử dụng còn lại 49%, với số tiền là 2.989.000 đồng.

- **Lần thứ mười hai**: Vào khoảng 00 giờ, trong khoảng tháng 7 năm 2017, Kim Ngọc S rủ Ngọc D đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui, thì Ngọc D đồng ý đi. Khi đi S điều khiển xe mô tô biển số 83F5-5597 chở Ngọc D đi trên các tuyến của thành phố S, khi cả hai đi đến đường số 5, khu dân cư, phường 4, thành phố S thì phát hiện xe ủi đất công trình thuộc Cty NL do ông Nguyễn Đình Th4 làm Giám đốc, đang đỗ cặp lề đường, nhưng không có người trông giữ, S dừng xe lại đi đến xe đậu dùng kìm đã chuẩn bị sẵn để tháo bình được gắn vào xe. S và Ngọc D đã lấy trộm được 02 cái bình ắc qui hiệu Đồng Nai loại 120 ampe. Sau khi lấy được tài sản S điều khiển xe chở Ngọc D đi cất giấu. Đến sáng ngày hôm sau Ngọc D và S lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3", tại số 04 đường NVT, khóm 6, phường 3, thành phố S cho anh Châu Vĩnh H4 với giá 1.400.000 đồng. Sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 700.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 196 ngày 17-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, kết luận 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 120 ampe, giá trị sử dụng còn lại 80%, tương đương số tiền là 3.680.000 đồng.

- **Lần thứ mười ba**: Vào khoảng 00 giờ, trong tháng 7 năm 2017, Kim Ngọc S rủ Ngọc D đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui, thì Ngọc D đồng ý đi. S điều khiển xe mô tô, mang biển số 83F5-5597 chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S để tìm tài sản, khi cả hai đi đến trước nhà máy Thành Tín, số 383 đường BĐ, khóm 6, phường 9, thành phố S thì phát hiện xe ô tô tải của ông Trần Hoàng N1 (N1) đang đỗ phía trước nhà máy, không có người trông giữ. Lúc này S dừng xe lại, cho Ngọc D đi đến nơi xe ô tô đang đỗ rồi dùng kìm tháo ốc gắn bình vào xe. Ngọc D và S đã lấy trộm được 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 Ampe. Sau Khi lấy được tài sản thì S điều khiển xe chở Ngọc D đi cất giấu. Đến sáng hôm sau Ngọc D và S lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3", tại số 04 đường NVT, khóm 6, phường 3, thành phố S cho anh Châu Vĩnh H4 với giá 1.000.000 đồng. Sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 500.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 198 ngày 19-12-2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố S, kết luận 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 ampe, giá trị sử dụng còn lại 90%, với số tiền là 3.420.000 đồng.

- **Lần thứ mười bốn:** Vào khoảng 22 giờ 00 phút, trong tháng 7 năm 2017, Ngọc D rủ Lê Văn Đ đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui, thì Đ đồng ý đi. Khi đi Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Ngọc D đi đến khu vực đường Chông Chác, phường 5, thành phố S thì phát hiện có xe cuốc đất công trình đang được đỗ cặp đường. Lúc này Ngọc D và Đ quan sát thấy không có người trông giữ, cho nên Đ dừng xe lại cho Ngọc D đi đến nơi xe cuốc đất đang đỗ và dùng chìa khóa mở ốc gắn bình vào xe. Ngọc D và Đ đã lấy trộm được 01 bình ắc qui, màu trắng, hiệu Đồng Nai, loại 100 ampe. Sau khi lấy được tài sản thì Đ điều khiển xe chở Ngọc D đi cất giấu. Đến sáng hôm sau Ngọc D và Đ lấy bình ắc qui đem bán cho tiệm phế liệu NT, tại số 90 đường ĐBP, phường 6, thành phố S với giá 500.000 đồng. Sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 250.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm bị hại trên đài truyền hình tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện nay chưa có người đến Cơ quan điều tra để trình báo mất trộm.

- **Lần thứ mười năm**: Vào khoảng 01 giờ 00 phút, trong tháng 7 năm 2017, Ngọc D rủ Thạch Sa R đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui, thì R đồng ý đi. Khi đi R điều khiển xe mô tô biển số 83F5-5597 chở Ngọc D đi trên các tuyến đường của thành phố S, khi R và Ngọc D đi đến khu vực gần nhà máy đường, tại đường PH, khóm 7, phường 8, thành phố S, thì phát hiện xe cuốc đất công trình đang được đỗ cặp đường, nhưng không có người trông giữ, nên R dừng xe lại và Ngọc D đi đến chổ xe cuốc dùng kìm đã chuẩn bị sẵn tháo ốc gắn bình vào xe. Ngọc D và R đã lấy trộm được 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai, loại 100 Ampe. Sau khi lấy được tài sản thì R điều khiển xe chở Ngọc D đi cất giấu. Đến sáng hôm sau Ngọc D và R lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua bình ắc qui "L3", tại số 04 đường NVT, khóm 6, phường 3, thành phố S cho anh Châu Vĩnh H4 với giá 1.000.000 đồng. Sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 500.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm bị hại trên đài truyền hình tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện nay chưa có người đến Cơ quan điều tra để trình báo mất trộm.

- **Lần thứ mười sáu**: Vào khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2017, Ngọc D rủ Nguyễn Thành Th5 đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui, thì Thảo đồng ý đi. Khi đi Ngọc D điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số) chở Thảo đi đến khu vực ấp Cái Quanh, xã TT, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng thì phát hiện xe cuốc đất công trình do ông Đinh Công Tr (Tr) là chủ sở hữu, đang được đỗ ven đường, nhưng không có người trông giữ, nên Ngọc D và Thảo dừng xe lại, Ngọc D đi đến nơi xe đang đỗ dùng kìm đã chuẩn bị sẵn tháo ốc gắn bình

vào xe. Ngọc D và Thảo đã lấy trộm được 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 Ampe. Sau khi lấy trộm được tài sản thì Ngọc D điều khiển xe chở Thảo đi cất giấu. Đến ngày 15 tháng 8 năm 2017, Ngọc D và Thảo lấy bình ắc qui đem đi bán tại tiệm thu mua phế liệu đường TĐT, phường 5, thành phố S với giá 1.000.000 đồng. Sau khi có được tiền thì cả hai chia nhau mỗi người được 500.000 đồng và sử dụng số tiền này vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm bị hại trên đài truyền hình tỉnh Sóc Trăng nhưng hiện nay chưa có người đến Cơ quan điều tra để trình báo mất trộm.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 56 ngày 24-11-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện LP, tỉnh Sóc Trăng, kết luận 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 100 ampe, giá trị sử dụng còn lại 60%, với số tiền là 3.150.400 đồng.

- **Lần thứ mười bảy**: Vào khoảng 23 giờ, ngày 04 tháng 10 năm 2017, sau khi sử dụng ma túy, Lưu Văn Th cùng với Ngọc D và Thạch Sa R bàn bạc với nhau là đi tìm xe ô tô để lấy trộm bình ắc qui thì cả nhóm thống nhất đi về hướng thị trấn ĐN, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng. Khi đi Ngọc D điều khiển xe mô tô biển số 83P1- 991.55 chở Th, R một mình điều khiển xe mô tô đi, khi cả nhóm đi đến khu vực ấp Trường Bình, xã Trường Khánh, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng thì phát hiện có xe ủi đất công trình của anh Nguyễn Quốc Tr1 (Tr1) là chủ sở hữu, đang được đỗ trên bãi đất trống cặp đường, nhưng không có người trông giữ. Lúc này cả nhóm dừng xe lại, Ngọc D và Th đi đến nơi xe đang đỗ dùng kìm chuẩn bị sẵn để tháo ốc gắn bình vào xe, còn R thì dừng xe gần đó để canh đường. Ngọc D, Th, R đã lấy trộm được 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 50 Ampe. Sau khi lấy được tài sản thì cả nhóm điều khiển xe chạy về thành phố S thì bị Công an tỉnh Sóc Trăng đi tuần phát hiện và bắt quả tang.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 06-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện LP, tỉnh Sóc Trăng, kết luận 02 bình ắc qui nhãn hiệu Đồng Nai loại 50 ampe, giá trị sử dụng còn lại 95%, với số tiền là 2.014.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 11/QĐ-KSĐT ngày 07-02-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố S đã truy tố bị cáo Trương Ngọc D về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các bị cáo Kim Ngọc S, Thạch Sa R, Hà Duy T, Huỳnh Chí D1 và Lưu Văn Th về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo Trần Tấn P về "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Ngọc D về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b, e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các bị cáo Kim Ngọc S, Thạch Sa R, Hà Duy T, Huỳnh Chí D1 và Lưu Văn Th về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo Trần Tấn P về "Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Các bị cáo Trương Ngọc D, Kim Ngọc S, Thạch Sa R, Hà Duy T, Huỳnh Chí D1 và Lưu Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Trần Tấn P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

Áp dụng: điểm b, e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm o, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53*;* Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Ngọc D. Xử phạt: Bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm b, o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20*;* Điều 53; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Kim Ngọc S. Xử phạt: Bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20*;* Điều 53*;* Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Thạch Sa R. Xử phạt: Bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20*;* Điều 53*;* Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Huỳnh Chí D1. Xử phạt: Bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20*;* Điều 53*;* Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Hà Duy T. Xử phạt: Bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20*;* Điều 53*;* Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lưu Văn Th. Xử phạt: Bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm

2009) đối với bị cáo Trần Tấn P. Xử phạt: Bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị hại Tăng Thị Bích T2 yêu cầu bị cáo Trương Ngọc D bồi thường với số tiền là 1.500.000 đồng;

Bị hại Nguyễn Tấn Th2 yêu cầu các bị cáo Trương Ngọc D và Kim Ngọc S, Trần Tấn P bồi thường với số tiền 14.000.000 đồng;

Bị hại Phạm Phú C2 yêu cầu các bị cáo Trương Ngọc D và Kim Ngọc S bồi thường với số tiền 1.330.000 đồng;

Bị hại Trương Văn Th3 yêu cầu các bị cáo Trương Ngọc D và Kim Ngọc S bồi thường với số tiền 2.989.000 đồng;

Đại diện bị hại là ông Nguyễn Văn Thắng yêu cầu các bị cáo Trương Ngọc D và Kim Ngọc S bồi thường với số tiền 3.680.000 đồng,

Bị hại Trần Hoàng N1 yêu cầu các bị cáo Trương Ngọc D và Kim Ngọc S bồi thường với số tiền 3.420.000 đồng.

Do đó buộc các bị cáo Trương Ngọc D và Kim Ngọc S bồi thường số tiền 22.029.000 cho các bị hại.

Còn bị hại Lý Hồng Tr2 yêu cầu các bị cáo Trương Ngọc D và Thạch Sa R bồi thường với số tiền 1.440.000 đồng. Cho nên, buộc các bị cáo Trương Ngọc D và Thạch Sa R bồi thường số tiền 1.440.000 đồng cho bị hại.

Những người bị hại bà Hoàng Thị L1, bà Trầm Thị Ngọc Dung, bà Lý Thị Thu H3, ông Trần Thanh L2, Nhà máy ST, ông Lý Thanh T3, ông Đinh Công Tr và Nguyễn Quốc Tr1 đều không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

+ Xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015:*

Trả lại cho chị Tăng Thị Bích T2: 01 giấy đăng ký xe 76G1- 184.78; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ- đen, số máy: C64601449, số khung: 640BYY601447;

Trả lại cho Lê Anh Th3: 01 xe mô tô biển số 83P1-991.55, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng;

Trả lại cho người liên quan Trà Kim B2: 01 xe mô tô biển số 83P2- 610.38, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exeter, màu xanh;

Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015:

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô biển số 83F5- 5597; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, hai bên viền màu vàng;

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kiềm cắt dây điện, cán bọc nhựa màu đỏ; 01 chìa khóa có một đầu tròn trên thân về hai phía có chữ số 10; 01 chìa khóa có một

đầu tròn trên thân về hai phía có chữ số 13; 01 chìa khóa trên thân về hai phía có chữ số 10 và 12; 01 chìa khóa trên thân về hai phía có chữ số 14 và 17; 01 đèn pin màu trắng- xanh trên thân có ghi L-7189; 01 biển số 83P2- 00346;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt những người bị hại Hoàng Thị L1, Đinh Công Tr, Nguyễn Quốc Tr1, Phạm Phú C2, Lý Thị Thu H3, Đại diện Công ty Nhân Lực, Đại diện Nhà máy ST, Trương Văn Th3, Trần Hoàng N1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Anh Th3, Kim Thị Thuyền và những người làm chứng Bành Chênh T3, Trần Hoàng P2. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì những người nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận:

Các bị cáo Trương Ngọc D, Kim Ngọc S, Thạch Sa R, Hà Duy T, Huỳnh Chí D1, Lưu Văn Th vì muốn có tiền tiêu xài, nên trong khoảng thời gian từ ngày 06 tháng 01 năm 2017 đến ngày 04 tháng 10 năm 2017, các bị cáo đã thực hiện 17 lần trộm cắp các loại tài sản như: xe mô tô, bình ắc quy, điện thoại di động, gà của nhiều người khác. Trong đó, bị cáo Trương Ngọc D đã thực hiện 17 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Kim Ngọc S đã cùng bị cáo Trương Ngọc D thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Thạch Sa R đã cùng bị cáo Trương Ngọc D thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Hà Duy T đã cùng bị cáo Trương Ngọc D thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Huỳnh Chí D1 đã cùng bị cáo Trương Ngọc D thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Lưu Văn Th đã cùng bị cáo Trương Ngọc D thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo Trần Tấn P đã 02 lần cầm, bán xe mô tô cho người khác để được bị cáo Trương Ngọc D cho số tiền 3.000.000đ, sau khi cầm xe thì bị cáo chuộc xe bán cho người khác để thu lợi được số tiền 2.000.000đ.

[4] Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Trương Ngọc D; Kim

Ngọc S; Thạch Sa R; Hà Duy T; Huỳnh Chí D1 và Lưu Văn Th, về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Trần Tấn P, về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các bị cáo cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, nên không mang tính tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Trương Ngọc D là người khởi xướng, rủ rê, là người thực hành trong 17 vụ trộm cắp tài sản. Bị cáo không có nghề nghiệp, đã thực hiện trên 05 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ và lấy tài sản các lần phạm tội bán lấy tiền làm nguồn sống chính; Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 67.417.400đ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trương Ngọc D phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo đã thực hiện trên 05 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền sự; Về tiền án: vào ngày 21-4-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố S, xử phạt 07 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18-11-2014. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội hướng dẫn áp dụng có lợi cho bị cáo theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Nên tiền án này đương nhiên được xóa án tích. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo; Tự khai ra những lần phạm tội trước đó. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Kim Ngọc S là người khởi xướng, rủ rê, là người thực hành, giúp sức trong 07 vụ trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 43.235.000đ. Trong đó có 02 lần chiếm đoạt tài sản trên 02 triệu đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Kim Ngọc S phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; Tự nguyện khai ra những lần phạm tội trước đó; Bị cáo tác động gia đình bồi thường cho người bị hại Tăng Thị Bích T2 số tiền 1.500.000đ; Bị cáo là người dân tộc Khmer. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, o, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Thạch Sa R là người khởi xướng, rủ rê, là người thực hành và giúp sức trong 07 lần trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 13.532.000đ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Thạch Sa R phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản có giá trị trên 2.000.000đ là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; Tự nguyện khai ra những lần phạm tội trước đó; Bị cáo là người dân tộc Khmer. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Hà Duy T là người giúp sức trong 02 lần trộm cắp tài sản, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 5.408.000đ, trong đó có 01 lần chiếm đoạt giá trị là 1.215.000 đồng và 01 lần chiếm đoạt giá trị tài sản là 4.193.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Hà Duy T phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo là người dân tộc Khmer. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Huỳnh Chí D1 là một đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực trong 01 lần trộm cắp tài sản, với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 7.500.000đ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Huỳnh Chí D1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy

định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền sự; Về tiền án: Vào ngày 10-02-2012 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23-9-2012. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội ít nghiêm trọng. Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung 2017). Nên lần phạm tội này được coi là không có án tích. Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Lưu Văn Th là người khởi xướng và là người thực hành trong 01 lần trộm cắp tài sản, với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 2.014.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lưu Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình được quy định tại điểm h, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Đối với bị cáo Trần Tấn P (PM) không hứa hẹn trước, mà biết rõ xe mô tô do bị cáo Trương Ngọc D cùng đồng phạm trộm cắp mà có, nhưng vẫn đồng ý cầm, bán 02 lần tài sản do bị cáo Trương Ngọc D cùng đồng phạm trộm cắp, nhằm thu lợi được số tiền 5.000.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trần Tấn P (PM) phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần tiêu thụ tài sản mà biết rõ tài sản do bị cáo Trương Ngọc D cùng đồng phạm phạm tội mà có là thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo; Tự nguyện khai ra lần phạm tội trước đó. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại điểm o, p Khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo đã bị kết án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 01 (*một*) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Nên áp dụng Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Thành Th5 không có nơi đăng ký thường trú và tạm trú, Trần Mẫn, Phạm Hoàng N3 hiện đã bỏ địa phương. Đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Bành Chênh T3, Châu Vĩnh H4, Nguyễn Minh Đ1, Liêu P1, Khưu Thành N2 và Nguyễn Thị Dung là những người đã mua, cầm tài sản do các bị cáo bán, đem cầm, nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, các bị cáo với những người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, đồng thời được xác định tại phiên tòa cụ thể như sau:

Bị cáo Trương Ngọc D đồng ý bồi thường cho những người bị hại: Tăng Thị Bích T2 số tiền 1.500.000đ; Nguyễn Tấn Th2 số tiền 5.000.000đ; Phạm Phú C2 số tiền 665.000đ; Trương Văn Th3 số tiền 1.494.500đ; Cty NL số tiền 1.840.000đ; Trần Hoàng N1 số tiền 1.710.000đ; Lý Hồng Tr2 số tiền 720.000đ.

Bị cáo Kim Ngọc S đồng bồi thường cho những người bị hại: Nguyễn Tấn Th2 số tiền 5.000.000đ; Phạm Phú C2 số tiền 665.000đ; Trương Văn Th3 số tiền 1.494.500đ; Cty NL số tiền 1.840.000đ; Trần Hoàng N1 số tiền 1.710.000đ.

Bị cáo Trần Tấn P đồng ý bồi thường cho người bị hại Nguyễn Tấn Th2 số tiền 4.000.000đ;

Bị cáo Thạch Sa R đồng bồi thường cho người bị hại Lý Hồng Tr2 số tiền 720.000đ.

Xét sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo với những người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Những người bị hại bà Hoàng Thị L1, bà Trần Thị Ngọc D2, bà Lý Thị Thu H3, ông Trần Thanh L2, Nhà máy ST, ông Lý Thanh T3, ông Đinh Công Tr và Nguyễn Quốc Tr1 không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xử lý vật chứng:

- Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được xử lý như sau:

Trả cho Tăng Thị Bích T2: 01 giấy đăng ký xe 76G1- 184.78; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ- đen, số máy: C64601449, số khung: 640BYY601447;

Trả lại cho Lê Anh Th3: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng;

Trả lại cho Trà Kim B2: 01 xe mô tô biển số 83P2- 610.38, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exeter, màu xanh;

Giao Công an thành phố S xử lý theo quy định pháp luật, do chưa xác định được chủ sở hữu đối với: 01 xe mô tô biển số 83P1-991.55, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo;

- *Đối với vật chứng là phương tiện phạm tội thì tịch thu, nộp ngân sách nhà nước*: 01 xe mô tô biển số 83F5- 5597; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, hai bên viền màu vàng;

- *Đối với vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được thì tịch thu và tiêu hủy*: 01 cây kiềm cắt dây điện, cán bọc nhựa màu đỏ; 01 chìa khóa có một đầu tròn trên thân về hai phía có chữ số 10; 01 chìa khóa có một đầu tròn trên thân về hai phía có chữ số 13; 01 chìa khóa trên thân về hai phía có chữ số 10 và 12; 01 chìa khóa trên thân về hai phía có chữ số 14 và 17; 01 đèn pin màu trắng- xanh trên thân có ghi L-7189; 01 biển số 83P2- 00346;

[9] Về án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự: Các bị cáo với những người bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên tòa, nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm..

[10] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt các bị cáo mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm o, p Khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trương Ngọc D.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm b, o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Kim Ngọc S.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Thạch Sa R.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Hà Duy T (TQ).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b Khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Chí D1 (DE).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Lưu Văn Th (Kh).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 250; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm o, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33; Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Tấn P (PM).

Tuyên bố:

- Các bị cáo Trương Ngọc D, Kim Ngọc S, Thạch Sa R, Hà Duy T (TQ), Huỳnh Chí D1 (DE) và Lưu Văn Th (Kh) phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Bị cáo Trần Tấn P (PM) phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"

1. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc D **05 (*năm*) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-10-2017.

2. Xử phạt bị cáo Kim Ngọc S **02 (*hai*) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22-12-2017.

3. Xử phạt bị cáo Thạch Sa R **01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06-10-2017.

4. Xử phạt bị cáo Hà Duy T (TQ) **01 (*một*) năm** tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

5. Xử phạt bị cáo Huỳnh Chí D1 (DE) **09 (*chín*) tháng** tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 06 tháng 10 năm 2017 đến ngày 03 tháng 01 năm 2018.

6. Xử phạt bị cáo Lưu Văn Th (Kh) **06 (*sáu*) tháng** tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

7. Xử phạt bị cáo Trần Tấn P (PM) **01 (*một*) năm** tù. Tổng hợp hình phạt 01 (*một*) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 16-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị cáo Trần Tấn P (PM) chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **02 (*hai*) năm** tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày 22-9-2017.

8. **Về trách nhiệm dân sự**: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt giữa các bị cáo và những người bị hại như sau:

Bị cáo Trương Ngọc D đồng ý bồi thường cho những người bị hại: Tăng Thị Bích T2 số tiền 1.500.000đ; Nguyễn Tấn Th2 số tiền 5.000.000đ; Phạm Phú C2 số tiền 665.000đ; Trương Văn Th3 số tiền 1.494.500đ; Cty NL số tiền 1.840.000đ; Trần Hoàng N1 số tiền 1.710.000đ; Lý Hồng Tr2 số tiền 720.000đ.

Bị cáo Kim Ngọc S đồng ý bồi thường cho những người bị hại: Nguyễn Tấn Th2 số tiền 5.000.000đ; Phạm Phú C2 số tiền 665.000đ; Trương Văn Th3 số tiền 1.494.500đ; Cty NL số tiền 1.840.000đ; Trần Hoàng N1 số tiền 1.710.000đ.

Bị cáo Trần Tấn P (PM) đồng ý bồi thường cho người bị hại Nguyễn Tấn Th2 số tiền 4.000.000đ;

Bị cáo Thạch Sa R đồng bồi thường cho người bị hại Lý Hồng Tr2 số tiền 720.000đ.

Những người bị hại bà Hoàng Thị L1, bà Trần Thị Ngọc D2, bà Lý Thị Thu H3, ông Trần Thanh L2, Nhà máy ST, ông Lý Thanh T3, ông Đinh Công Tr và Nguyễn Quốc Tr1 không yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

9. **Về xử lý vật chứng**: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Trả: Tăng Thị Bích T2: 01 giấy đăng ký xe 76G1- 184.78; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đỏ- đen, số máy: C64601449, số khung: 640BYY601447; Lê Anh Th3: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu hồng; Trà Kim B2: 01 xe mô tô biển số 83P2- 610.38, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exeter, màu xanh;

Giao Công an thành phố S xử lý theo quy định pháp luật, do chưa xác định được chủ sở hữu đối với: 01 xe mô tô biển số 83P1-991.55, nhãn hiệu Yamaha, số loại Nouvo;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô biển số 83F5- 5597; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu đen, hai bên viền màu vàng;

Tịch thu và tiêu hủy: 01 cây kiềm cắt dây điện, cán bọc nhựa màu đỏ; 01 chìa khóa có một đầu tròn trên thân về hai phía có chữ số 10; 01 chìa khóa có một đầu tròn trên thân về hai phía có chữ số 13; 01 chìa khóa trên thân về hai phía có chữ số 10 và 12; 01 chìa khóa trên thân về hai phía có chữ số 14 và 17; 01 đèn pin màu trắng- xanh trên thân có ghi L-7189; 01 biển số 83P2- 00346;

10. **Về án phí**: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng